BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA STRESS NGHỀ NGHIỆP CHO ĐIỀU DƯỠNG VIÊN TẠI CÁC BỆNH VIỆN QUÂN Y HIỆN NAY

Trần Tuấn Thành
Học viện Quân y
Email: thanhtran.huph@gmail.com

***Tóm tắt**: Stress nghề nghiệp là trạng thái căng thẳng tâm lý nảy sinh khi điều dưỡng viên đánh giá yêu cầu nghề nghiệp vượt quá hoặc có nguy cơ vượt quá nguồn lực ứng phó của bản thân. Trong bệnh viện quân y, trạng thái này chịu ảnh hưởng đồng thời của áp lực chăm sóc người bệnh, yêu cầu kỷ luật, cường độ trực và những tình huống nghề nghiệp có sức tác động cảm xúc mạnh. Bài viết phân tích cơ sở tâm lý của hoạt động phòng ngừa và đề xuất năm biện pháp: nâng cao năng lực nhận diện và tự đánh giá stress; huấn luyện kỹ năng ứng phó và tự điều chỉnh cảm xúc; củng cố sức bền tâm lý và ý nghĩa nghề nghiệp; phát triển hỗ trợ đồng đẳng, xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực; tổ chức sàng lọc, tham vấn và hỗ trợ tâm lý theo mức độ nguy cơ. Các biện pháp hướng tới tăng cường nguồn lực tâm lý của điều dưỡng viên, đồng thời hình thành môi trường nghề nghiệp an toàn về tâm lý tại các bệnh viện quân y.*

***Từ khóa:** stress nghề nghiệp; phòng ngừa stress; điều dưỡng viên; bệnh viện quân y; sức khỏe tâm lý.*

MEASURES TO PREVENT OCCUPATIONAL STRESS AMONG NURSES AT MILITARY HOSPITALS TODAY

***Abstract:** Occupational stress arises when nurses perceive professional demands as exceeding or threatening to exceed their coping resources. In military hospitals, this state is influenced by patient-care pressure, disciplinary requirements, demanding shifts, and emotionally intense occupational situations. This article examines the psychological foundations of prevention and proposes five measures: improving stress recognition and self-assessment; training coping and emotional self-regulation skills; strengthening psychological resilience and professional meaning; developing peer support and a positive psychological climate; and organizing screening, counseling, and tiered psychological support. These measures aim to strengthen nurses' psychological resources and promote a psychologically safe professional environment in military hospitals.*

***Keywords:** occupational stress; stress prevention; nurses; military hospitals; psychological health.*

Nhận bài: 16/06/2026 Phản biện: 16/07/2026 Duyệt đăng: 18/07/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều dưỡng viên trực tiếp theo dõi, chăm sóc và hỗ trợ người bệnh trong suốt quá trình điều trị. Hoạt động nghề nghiệp đòi hỏi họ duy trì sự tập trung, chính xác, kiềm chế cảm xúc và tinh thần trách nhiệm cao. Việc thường xuyên tiếp xúc với đau đớn, nguy cơ tử vong, phản ứng tiêu cực của người bệnh và thân nhân có thể tạo nên sự tiêu hao tâm lý đáng kể. Chế độ trực, tình trạng thiếu thời gian phục hồi cùng nguy cơ sai sót chuyên môn làm cho áp lực nghề nghiệp dễ tích tụ và chuyển thành stress kéo dài.

Ở bệnh viện quân y, điều dưỡng viên đồng thời chịu sự điều chỉnh của yêu cầu chuyên môn y tế và yêu cầu tổ chức quân sự. Họ phải chấp hành nghiêm kỷ luật, điều lệnh, chế độ trực, sẵn sàng nhận nhiệm vụ đột xuất và thích ứng với các tình huống có tính cơ động cao. Yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ trong mọi điều kiện tạo ra động lực nghề nghiệp mạnh mẽ nhưng cũng có thể khiến một số điều dưỡng viên xem nhẹ dấu hiệu suy giảm sức khỏe tâm lý hoặc e ngại tìm kiếm hỗ trợ.

Stress ở mức độ phù hợp có thể thúc đẩy cá nhân huy động nguồn lực để đáp ứng nhiệm vụ. Khi cường độ và thời gian tác động vượt quá khả năng thích ứng, stress dễ dẫn đến mệt mỏi, giảm tập trung, bất ổn cảm xúc, thu hẹp giao tiếp và suy giảm chất lượng thực hiện nhiệm vụ. Với điều dưỡng viên, hậu quả này liên quan trực tiếp đến sự an toàn của người bệnh, sự phối hợp trong kíp trực và khả năng duy trì tác phong nghề nghiệp.

Phòng ngừa stress vì thế cần được tiếp cận như một quá trình tác động tâm lý có mục đích. Trọng tâm là giúp điều dưỡng viên nhận biết sớm trạng thái của bản thân, thay đổi cách đánh giá tình huống, phát triển năng lực ứng phó, củng cố sức bền tâm lý và tiếp cận hỗ trợ chuyên môn khi cần thiết. Cách tiếp cận này đặt cá nhân trong quan hệ với đồng nghiệp, tập thể khoa và tổ chức bệnh viện, qua đó hạn chế khuynh hướng quy toàn bộ trách nhiệm thích ứng cho người điều dưỡng.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Quan niệm và biểu hiện stress nghề nghiệp của điều dưỡng viên tại bệnh viện quân y

Theo cách tiếp cận tương tác, stress không được quyết định hoàn toàn bởi tác nhân bên ngoài mà hình thành qua quá trình cá nhân đánh giá yêu cầu của tình huống và nguồn lực ứng phó của mình.

Một tình huống có thể được người này xem là thách thức có thể kiểm soát nhưng lại được người khác cảm nhận như sự đe dọa. Vì vậy, phòng ngừa stress cần quan tâm đến cả yêu cầu khách quan của nghề nghiệp và quá trình nhận thức, cảm xúc, ứng phó của điều dưỡng viên.

Stress nghề nghiệp của điều dưỡng viên tại bệnh viện quân y được hiểu là trạng thái căng thẳng tâm lý nảy sinh trong quá trình chăm sóc người bệnh và thực hiện nhiệm vụ quân sự khi điều dưỡng viên đánh giá yêu cầu nghề nghiệp gây sức ép hoặc vượt quá nguồn lực thích ứng hiện có. Trạng thái này biểu hiện qua sự biến đổi có liên hệ chặt chẽ ở cơ thể, nhận thức, cảm xúc và hành vi.

Về cơ thể, điều dưỡng viên có thể mệt mỏi kéo dài, đau đầu, căng cơ, rối loạn giấc ngủ hoặc chậm phục hồi sau ca trực. Về nhận thức, họ dễ giảm tập trung, khó sắp xếp nhiệm vụ, lo lắng quá mức về sai sót hoặc xuất hiện cách nhìn bi quan đối với tình huống nghề nghiệp. Về cảm xúc, biểu hiện thường gặp là căng thẳng, bất an, cáu gắt, buồn chán hoặc giảm hứng thú. Về hành vi, cá nhân có thể thu hẹp giao tiếp, né tránh tình huống, phản ứng thiếu kiềm chế, giảm chủ động phối hợp hoặc làm việc theo lối đối phó.

Các biểu hiện thường tạo thành vòng tác động lẫn nhau. Mất ngủ làm giảm khả năng tập trung; sự giảm tập trung gia tăng lo lắng về sai sót; lo lắng tiếp tục cản trở giấc ngủ và điều chỉnh cảm xúc. Do đó, nhận diện stress phải dựa trên tổ hợp dấu hiệu, mức độ kéo dài và ảnh hưởng đối với chức năng nghề nghiệp. Một dấu hiệu đơn lẻ chưa đủ để kết luận về trạng thái tâm lý của điều dưỡng viên.

2.2. Cơ sở tâm lý của hoạt động phòng ngừa stress nghề nghiệp

Cơ sở thứ nhất của phòng ngừa là quá trình đánh giá nhận thức. Khi điều dưỡng viên nhìn nhận tình huống chủ yếu dưới góc độ mất kiểm soát, đe dọa hoặc thất bại, phản ứng căng thẳng thường tăng lên. Việc giúp họ phân biệt yếu tố có thể kiểm soát, xác định đúng mức độ nguy hiểm và lựa chọn mục tiêu xử lý phù hợp sẽ làm giảm cách đánh giá cực đoan. Đây là nền tảng để chuyển từ phản ứng bị động sang ứng phó có chủ đích.

Cơ sở thứ hai là năng lực tự điều chỉnh. Trong ca trực, điều dưỡng viên phải kiểm soát sự chú ý, cảm xúc và hành vi ngay cả khi đối diện với áp lực cao. Năng lực này không phải đặc điểm bất biến mà có thể được rèn luyện qua kỹ thuật thở, thư giãn, tự hướng dẫn nhận thức, giải quyết vấn đề và giao tiếp quyết đoán. Các kỹ năng chỉ phát huy giá trị khi được luyện tập trong tình huống gần với thực tế nghề nghiệp.

Cơ sở thứ ba là xây dựng nguồn lực tâm lý tích cực. Niềm tin vào năng lực bản thân, ý thức về ý nghĩa nghề nghiệp, khả năng hồi phục và hy vọng tạo điều kiện để cá nhân duy trì nỗ lực trước khó khăn. Trong môi trường quân y, động cơ phục vụ người bệnh, tinh thần trách nhiệm và niềm tự hào nghề nghiệp là nguồn lực quan trọng. Tuy nhiên, giáo dục trách nhiệm cần đi cùng sự thừa nhận giới hạn con người và quyền được hỗ trợ, tránh biến ý thức trách nhiệm thành áp lực phải che giấu khó khăn.

Cơ sở thứ tư là sự hỗ trợ xã hội. Đồng nghiệp có thể cung cấp thông tin, trợ giúp chuyên môn, chia sẻ cảm xúc và cảm giác thuộc về tập thể. Một bầu không khí tâm lý tin cậy giúp điều dưỡng viên nói ra khó khăn sớm hơn, hạn chế cảm giác cô lập và phục hồi tốt hơn sau tình huống nghiêm trọng. Trái lại, phê phán thiếu xây dựng, định kiến với người tìm kiếm hỗ trợ hoặc mâu thuẫn kéo dài có thể làm stress gia tăng.

Từ các cơ sở trên, phòng ngừa cần tác động theo ba tầng. Phòng ngừa phổ quát dành cho toàn thể điều dưỡng viên nhằm nâng cao hiểu biết và nguồn lực ứng phó. Phòng ngừa có chọn lọc hướng tới nhóm thường xuyên tiếp xúc với nguồn stress mạnh hoặc có dấu hiệu nguy cơ. Hỗ trợ chỉ định dành cho người đã xuất hiện biểu hiện rõ và cần đánh giá chuyên môn. Sự phân tầng giúp sử dụng nguồn lực hợp lý và tránh đồng nhất mọi phản ứng căng thẳng với rối loạn tâm lý.

2.3. Biện pháp phòng ngừa stress nghề nghiệp cho điều dưỡng viên tại các bệnh viện quân y

2.3.1. Nâng cao năng lực nhận diện và tự đánh giá stress nghề nghiệp

Mục tiêu của biện pháp là hình thành khả năng quan sát trạng thái tâm lý, nhận ra sớm sự thay đổi và lựa chọn hành động phù hợp. Nhận diện đúng giúp điều dưỡng viên tránh hai khuynh hướng: xem nhẹ dấu hiệu kéo dài hoặc tự gán nhãn bệnh lý cho phản ứng căng thẳng nhất thời. Nội dung giáo dục tâm lý cần làm rõ bản chất của stress, nguồn gây stress đặc thù, biểu hiện theo bốn mặt và ngưỡng cần tìm kiếm hỗ trợ.

Bệnh viện có thể lồng ghép chuyên đề ngắn vào sinh hoạt chuyên môn, huấn luyện hoặc chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp. Tình huống sử dụng phải gần với trải nghiệm của điều dưỡng viên như trực đêm liên tiếp, chăm sóc người bệnh nặng, tiếp nhận phản ứng gay gắt, chứng kiến tử vong hoặc lo lắng sau sai sót. Qua phân tích tình huống,

điều dưỡng viên học cách phân biệt tác nhân, suy nghĩ tự động, cảm xúc, phản ứng cơ thể và hành vi ứng phó.

Điều dưỡng viên cần được hướng dẫn bảng tự theo dõi ngắn theo tuần. Nội dung gồm chất lượng giấc ngủ, mức mệt mỏi, khả năng tập trung, trạng thái cảm xúc, hứng thú nghề nghiệp và xu hướng né tránh giao tiếp. Kết quả nhằm hỗ trợ tự nhận thức, không thay thế chẩn đoán. Thông tin phải được bảo mật và không dùng như căn cứ đơn lẻ để đánh giá phẩm chất, thi đua hoặc năng lực nghề nghiệp.

2.3.2. Huấn luyện kỹ năng ứng phó và tự điều chỉnh cảm xúc trong tình huống nghề nghiệp

Biện pháp này tác động trực tiếp vào cách điều dưỡng viên xử lý nguồn gây stress. Nội dung huấn luyện cần kết hợp ứng phó hướng vào vấn đề với ứng phó hướng vào cảm xúc. Khi tác nhân có thể kiểm soát, cá nhân cần xác định vấn đề, ưu tiên nhiệm vụ, tìm thông tin và huy động hỗ trợ. Khi tình huống chưa thể thay đổi ngay, cá nhân cần ổn định cảm xúc để duy trì khả năng phán đoán và hành động nghề nghiệp.

Nhóm kỹ năng cốt lõi gồm điều hòa nhịp thở, thư giãn cơ ngắn, định hướng lại chú ý, nhận diện và điều chỉnh suy nghĩ thiếu hợp lý, tự hướng dẫn hành động, giải quyết vấn đề và giao tiếp quyết đoán. Với điều dưỡng viên, kỹ thuật phải ngắn, dễ nhớ và có thể vận dụng an toàn trong khoảng nghỉ hoặc sau tình huống căng thẳng. Huấn luyện cần tránh biến các kỹ thuật thư giãn thành giải pháp duy nhất đối với nguồn stress có tính tổ chức.

Phương pháp phù hợp là luyện tập theo tình huống và diễn vai. Mỗi tình huống được xử lý qua các bước: nhận diện dấu hiệu; xác định yếu tố có thể kiểm soát; ổn định cảm xúc; lựa chọn cách ứng phó; đánh giá kết quả. Người hướng dẫn phản hồi cụ thể về quá trình suy nghĩ và hành vi, không dừng ở nhận xét đúng hoặc sai. Việc luyện tập định kỳ giúp kỹ năng trở thành phản ứng có chủ đích trong ca trực thực tế.

2.3.3. Củng cố sức bền tâm lý và ý nghĩa nghề nghiệp của điều dưỡng viên

Sức bền tâm lý thể hiện ở khả năng duy trì trạng thái tương đối ổn định, thích ứng trước áp lực và phục hồi sau trải nghiệm khó khăn. Biện pháp hướng tới củng cố niềm tin vào năng lực bản thân, khả năng nhìn nhận khó khăn trong giới hạn có thể xử lý, ý chí theo đuổi mục tiêu và năng lực phục hồi. Đây là quá trình phát triển nguồn lực lâu dài, khác với kỹ thuật làm dịu căng thẳng tức thời.

Nội dung cần gắn với ý nghĩa nghề nghiệp của người điều dưỡng quân y. Thông qua sinh hoạt chuyên đề, kể chuyện nghề nghiệp và phân tích trường hợp điển hình, điều dưỡng viên được hỗ trợ nhận diện giá trị đóng góp, những năng lực đã hình thành và ý nghĩa của sự chăm sóc đối với người bệnh. Sự ghi nhận phải cụ thể, chân thực, gắn với hành động nghề nghiệp. Cách tuyên truyền chung chung hoặc tuyệt đối hóa đức hy sinh có thể làm cá nhân khó thừa nhận giới hạn và nhu cầu hỗ trợ.

Mỗi điều dưỡng viên nên xây dựng kế hoạch bảo vệ nguồn lực cá nhân gồm mục tiêu nghề nghiệp vừa sức, chế độ phục hồi sau ca trực, hoạt động thể chất, giấc ngủ, quan hệ gia đình và người có thể tìm đến khi gặp khó khăn. Cán bộ quản lý điều dưỡng theo dõi bằng hình thức hỗ trợ, không can thiệp sâu vào đời sống riêng tư. Với người vừa trải qua sự cố hoặc mất mát nghề nghiệp, cần có khoảng thời gian phục hồi và cuộc trao đổi tâm lý phù hợp.

2.3.4. Phát triển hỗ trợ đồng đẳng và xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực tại khoa chuyên môn

Hỗ trợ đồng đẳng có ưu thế vì người hỗ trợ hiểu ngôn ngữ nghề nghiệp, đặc điểm ca trực và sức ép mà điều dưỡng viên đang trải qua. Mỗi khoa có thể lựa chọn một số điều dưỡng viên có uy tín, biết lắng nghe và giữ bí mật để bồi dưỡng kỹ năng hỗ trợ ban đầu. Người hỗ trợ đồng đẳng không thực hiện chẩn đoán hoặc trị liệu mà có nhiệm vụ lắng nghe, giúp đồng nghiệp nhận diện nhu cầu và kết nối với lực lượng chuyên môn.

Sau ca trực phức tạp hoặc sự kiện có sức tác động tâm lý mạnh, khoa nên tổ chức trao đổi tâm lý ngắn theo nguyên tắc an toàn, tự nguyện và hướng tới phục hồi. Nội dung gồm cảm nhận về tình huống, phản ứng thường gặp, kinh nghiệm ứng phó và nguồn hỗ trợ hiện có. Hoạt động này phải tách khỏi quy trình xác minh trách nhiệm chuyên môn để người tham gia có thể chia sẻ trung thực mà không lo bị quy kết.

Bầu không khí tâm lý tích cực được hình thành qua sự tôn trọng, công bằng, phản hồi xây dựng và sẵn sàng giúp đỡ. Cán bộ quản lý cần quan sát quan hệ trong kíp trực, xử lý sớm xung đột, ghi nhận đóng góp cụ thể và không dung túng hành vi chế giễu người bộc lộ khó khăn. Khi an toàn tâm lý được duy trì, điều dưỡng viên có xu hướng báo cáo nguy cơ, đề nghị trợ giúp và chia sẻ sai sót sớm hơn, qua đó hỗ trợ cả sức khỏe tâm lý lẫn an toàn người bệnh.

2.3.5. Tổ chức sàng lọc, tham vấn và hỗ trợ tâm lý theo mức độ nguy cơ

Sàng lọc giúp phát hiện nhóm có nguy cơ trước khi stress gây suy giảm rõ rệt chức năng nghề nghiệp. Hoạt động này có thể kết hợp với khám sức khỏe định kỳ hoặc chương trình chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp, sử dụng công cụ phù hợp và do người có chuyên môn thực hiện. Kết quả sàng lọc chỉ phản ánh mức độ nguy cơ tại thời điểm đánh giá, cần được xem xét cùng phỏng vấn, hoàn cảnh và biểu hiện thực tế.

Hỗ trợ cần phân tầng. Nhóm nguy cơ thấp tiếp tục được giáo dục tâm lý và hướng dẫn tự chăm sóc. Nhóm nguy cơ trung bình được tham vấn ngắn hạn, theo dõi định kỳ và xem xét giảm tạm thời nguồn stress nếu cần. Người có biểu hiện kéo dài, suy giảm chức năng rõ, mất ngủ nghiêm trọng, ý nghĩ tự gây hại hoặc phản ứng sau sang chấn phải được đánh giá chuyên sâu và chuyển tuyến phù hợp. Quy trình chuyển tuyến cần quy định rõ đầu mối, trách nhiệm và cách theo dõi sau hỗ trợ.

Tham vấn tâm lý phải bảo đảm riêng tư, tôn trọng và tự nguyện trong phạm vi pháp luật, kỷ luật quân đội cho phép. Bệnh viện cần truyền thông rõ rằng tìm kiếm trợ giúp là hành vi có trách nhiệm với bản thân, đồng đội và người bệnh. Kết quả tham vấn không được dùng để tạo định kiến hoặc bất lợi nghề nghiệp. Đây là điều kiện quan trọng để giảm tâm lý che giấu và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ sớm.

2.4. Điều kiện bảo đảm và mối quan hệ giữa các biện pháp

Năm biện pháp tạo thành hệ thống tác động từ nhận thức, cảm xúc, kỹ năng và nguồn lực cá nhân đến quan hệ nhóm và hỗ trợ chuyên môn. Nhận diện là tiền đề để điều dưỡng viên lựa chọn cách ứng phó. Kỹ năng tự điều chỉnh giúp họ giữ khả năng hành động trước áp lực. Sức bền tâm lý tạo nền tảng thích ứng dài hạn. Hỗ trợ đồng đẳng bổ sung nguồn lực xã hội. Sàng lọc và tham vấn bảo đảm người có nguy cơ được tiếp cận hỗ trợ đúng mức.

Hiệu quả của hệ thống biện pháp phụ thuộc vào điều kiện tổ chức. Lãnh đạo bệnh viện cần đưa chăm sóc sức khỏe tâm lý vào kế hoạch quản lý nhân lực; phân công đầu mối chuyên môn; dành thời gian cho huấn luyện và tham vấn; rà soát lịch trực, khối lượng nhiệm vụ và thời gian phục hồi. Điều chỉnh tổ chức lao động không thay thế tác động tâm lý nhưng giúp hạn chế nguồn stress vượt quá khả năng ứng phó.

Quá trình triển khai nên bắt đầu bằng khảo sát nhu cầu, lựa chọn khoa có nguy cơ cao để thí điểm, tập huấn lực lượng nòng cốt và đánh giá sau từng giai đoạn. Chỉ báo đánh giá gồm thay đổi trong hiểu biết, khả năng nhận diện, kỹ năng ứng phó, mức độ sẵn sàng tìm kiếm hỗ trợ, cảm nhận an toàn tâm lý và mức stress tự báo cáo. Mọi kết luận về hiệu quả cần dựa trên dữ liệu theo dõi, tránh suy diễn từ sự hài lòng tức thời của người tham gia.

III. KẾT LUẬN

Stress nghề nghiệp của điều dưỡng viên tại bệnh viện quân y hình thành từ sự tương tác giữa yêu cầu nghề nghiệp, cách cá nhân đánh giá tình huống, nguồn lực ứng phó và môi trường quan hệ trong đơn vị. Do đó, phòng ngừa cần đi vào cơ chế tâm lý của stress, phát triển năng lực tự điều chỉnh và thiết lập nguồn hỗ trợ gần gũi, chuyên nghiệp.

Năm biện pháp được đề xuất tập trung vào giáo dục tâm lý và tự nhận diện; huấn luyện ứng phó, điều chỉnh cảm xúc; củng cố sức bền tâm lý và ý nghĩa nghề nghiệp; phát triển hỗ trợ đồng đẳng, bầu không khí tâm lý tích cực; sàng lọc, tham vấn và hỗ trợ phân tầng. Khi được tổ chức đồng bộ và bảo đảm bằng điều kiện lao động phù hợp, các biện pháp sẽ góp phần bảo vệ sức khỏe tâm lý, duy trì chất lượng chăm sóc người bệnh và nâng cao khả năng hoàn thành nhiệm vụ của điều dưỡng viên quân y.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lazarus, R. S., & Folkman, S. (1984). Stress, Appraisal, and Coping. New York: Springer.

Maslach, C., Schaufeli, W. B., & Leiter, M. P. (2001). Job burnout. Annual Review of Psychology, 52, 397–422.

McVicar, A. (2003). Workplace stress in nursing: A literature review. Journal of Advanced Nursing, 44(6), 633–642.

World Health Organization & International Labour Organization. (2022). Mental Health at Work: Policy Brief. Geneva: World Health Organization.

Lê Thị Thanh Xuân, Đặng Kim Oanh, Nguyễn Thúy Hiền và Lê Thị Thanh Hà (2020), "Stress nghề nghiệp của điều dưỡng lâm sàng tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2017", Tạp chí Nghiên cứu Y học, 129(5), tr. 8–13.

Nguyễn Thị Thùy Linh, Đỗ Minh Sinh và Nguyễn Thúy Nga (2023), "Thực trạng căng thẳng nghề nghiệp của điều dưỡng viên tại Bệnh viện Bưu Điện năm 2023", Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 6(6), tr. 6–14.DOI: 10.54436/jns.2023.06.691

Vũ Văn Thành và cộng sự (2023), "Thực trạng stress của điều dưỡng viên tại Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn năm 2022", Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 6(2), tr. 6–15. DOI: 10.54436/jns.2023.02.585.